

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY KINH TẾ TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XI CỦA ĐẢNG

TRƯƠNG THỊ HIỂN (*)

Quá trình đổi mới trong 25 năm qua của nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là một quá trình liên tục, có những bước đột phá quan trọng. Đại hội sau luôn kế thừa, bổ sung và phát triển những nhận thức và quyết sách về đường lối phát triển kinh tế của các Đại hội trước.

1. Tư duy đổi mới kinh tế của Đảng ta là một quá trình phát triển

Bước ngoặt trong đổi mới tư duy kinh tế của Đảng là chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thành tựu nổi bật nhất trong bước khởi đầu đổi mới tư duy kinh tế là phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Quan điểm về mô hình nền kinh tế trong thời kỳ quá độ đã thay đổi căn bản và đến nay đã được xác lập, đó là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ có hai thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể mà tồn tại nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Qua quá trình phát triển nhận thức, cũng như tư duy lý luận về các thành phần kinh tế ngày một hoàn chỉnh, đến Đại hội X của Đảng, nền kinh tế nước ta được xác lập gồm 5 thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư hữu tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng không chỉ dừng lại ở việc xác định số lượng các thành phần kinh tế tồn tại trong nền kinh tế, mà còn xác

lập đúng vị trí, vai trò của từng thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Có thể nói, sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng về các thành phần kinh tế có tầm quan trọng đặc biệt, nó tạo điều kiện thuận lợi cho mọi cá nhân, tổ chức trong toàn xã hội phát huy mọi tiềm năng, sáng tạo, tạo ra sức mạnh to lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, đồng thời nó là động lực to lớn cho chúng ta phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới tư duy kinh tế về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần còn góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thông qua tính dân chủ trong hoạt động kinh tế, mọi cá nhân đều có quyền tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh một cách bình đẳng theo pháp luật.

Trải qua nhiều năm thực hiện đổi mới, tư duy về kinh tế thị trường của Đảng ta ngày càng hoàn thiện hơn. Nếu ở Đại hội VI, Đảng ta mới khẳng định sự cần thiết phải sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ dưới chủ nghĩa xã hội thì đến Đại hội VII và Đại hội VIII Đảng đã khẳng định cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội IX tiếp tục đánh dấu thêm một bước phát triển mới trong đổi mới tư duy lý luận kinh tế của Đảng, đã xác định: Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đại hội X làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đó là nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại hình thị trường cơ bản

(*) PGS. TS. Hiệu Trưởng Trường Cán bộ TP. Hồ Chí Minh

theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh, phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh. Nền kinh tế không chỉ độc tôn bàn tay kế hoạch của Nhà nước, mà phải được vận hành bởi hai bàn tay: thị trường và Nhà nước. Thực hiện cơ chế thị trường đã khuyến khích sự làm giàu hợp pháp, tháo gỡ sự kìm hãm sản xuất và lưu thông. Cơ chế thị trường cũng đã góp phần phát huy lợi thế so sánh giữa các vùng, các khu vực trong nước, giữa thành thị và nông thôn, góp phần vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng có lợi, cải thiện đời sống nhân dân. Sự phá bỏ độc quyền, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp phát huy tính năng động, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Quá trình đổi mới tư duy về hội nhập kinh tế quốc tế thật sự bắt đầu cùng với sự nghiệp đổi mới được Đại hội VI của Đảng khởi xướng. Đến Đại hội VII, chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế được khẳng định là chủ trương lớn, chủ đạo của đường lối đổi mới của nước ta. Đại hội IX của Đảng đã khẳng định chủ trương: Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh có hiệu quả và bền vững. Đổi mới tư duy kinh tế của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế đã đem lại thành tựu to lớn cho đất nước. Đến nay Việt Nam đã có quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức kinh tế, tiền tệ thế giới như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB); gia nhập Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN) năm 1995 và Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) năm 1996; tham gia sáng lập diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996; gia nhập Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1998 và đặc biệt năm 2007 trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Việt Nam đã đẩy lùi được chính sách bao vây, cô lập về chính trị, cấm vận về kinh tế của các thế lực thù địch. Hiện chúng ta đã có quan hệ thương mại với hơn 170 nước và vùng lãnh thổ, đã ký hiệp định thương mại với gần 100 quốc gia và có thỏa thuận về đối xử tối huệ quốc với 81 quốc gia và vùng lãnh thổ. Hầu hết các nước trên thế giới, kể cả

những nước đã từng là thù địch chống nước ta, đều coi Việt Nam là đối tác tin cậy, là thị trường giàu tiềm năng và ổn định, là nơi đầu tư hết sức lý tưởng cho các nhà đầu tư nước ngoài, không ít quốc gia lớn, có tiềm lực kinh tế xem Việt Nam là đối tác kinh tế chiến lược. Những thành tựu đạt được trong đổi mới tư duy kinh tế của Đảng trong thời gian qua là hết sức to lớn, có thể ví như một cuộc cách mạng thật sự về kinh tế đối với nước ta.

Tư duy đổi mới kinh tế là một chương trình cải cách kinh tế do Đảng khởi xướng vào thập niên 1980. Chính sách đổi mới được chính thức thực hiện từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, năm 1986. Đổi mới về kinh tế được Đảng ta thực hiện trước tiên, sau đó mới bắt đầu thực hiện đổi mới trên các lĩnh vực chính trị, văn hóa, xã hội. Những tiền đề của tư tưởng đổi mới là kinh tế thị trường. Quan điểm kinh tế của thời kỳ kế hoạch hóa tập trung từ trước những năm 1980 cho rằng, nền kinh tế thị trường là sản phẩm riêng có của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, luân luôn đối lập với nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và là nguyên nhân sản sinh ra bất công xã hội và chế độ người bóc lột người. Tư duy đổi mới kinh tế Đảng ta cho rằng quan điểm về kinh tế thị trường trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung đã làm cho sức sản xuất không được giải phóng, các nguồn lực xã hội không được khai thác triệt để, đã dẫn đến kìm hãm sự phát triển xã hội. Tư duy đổi mới kinh tế của Đảng ta đã chỉ ra rằng, kinh tế thị trường không chỉ gắn liền với chủ nghĩa tư bản, mà là thành tựu của cả nhân loại.

Quan điểm tư duy đổi mới về kinh tế đã được hoàn thiện dần trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động thực tiễn ở nước ta. Ngày nay, quan điểm tư duy đổi mới về kinh tế đã cụ thể hóa thành cơ chế, chính sách đó là: Quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Tư duy đổi mới kinh tế của Đảng ta thể hiện một số đặc điểm cơ bản sau đây:

- Đảng ta khẳng định sự tồn tại bình đẳng và hợp pháp của nhiều thành phần kinh tế (Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần IX quy định có 6 thành phần kinh tế: kinh tế

Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản Nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), nhiều hình thức sở hữu (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, sở hữu hỗn hợp), kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Đảng ta khẳng định cơ chế kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nền kinh tế được vận hành bởi hai lực lượng, bàn tay vô hình là thị trường và bàn tay hữu hình là Nhà nước. Điều này có ưu điểm là nó phát huy tính tối ưu trong phân bổ nguồn lực xã hội để tối đa hóa lợi nhuận thông qua cạnh tranh, mặt khác, sự quản lý của Nhà nước giúp tránh được những thất bại của thị trường như lạm phát, phân hóa giàu nghèo, khủng hoảng kinh tế...

- Định hướng xã hội chủ nghĩa: Đảng ta đã khẳng định là kinh tế thị trường là thành tựu chung của loài người, hoàn toàn không mâu thuẫn với chủ nghĩa xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện vai trò chủ đạo của kinh tế Nhà nước trong nền kinh tế.

Sự nghiệp đổi mới của Việt Nam đạt được những thành tựu như ngày hôm nay là nhờ có Đảng lãnh đạo và do Đảng đã luôn luôn chủ động, sáng tạo trong đổi mới tư duy về kinh tế. Đường lối và chính sách đổi mới từ Đại hội VI (1986) của Đảng đã đặt cơ sở, nền tảng ban đầu cho giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ của nền kinh tế nước ta. Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, sâu sắc, trong đó có đổi mới tư duy về kinh tế, đột phá khâu cho đổi mới các lĩnh vực tiếp theo. Tuy nhiên, trong giai đoạn phát triển mới của đất nước đòi hỏi phải xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, do vậy chúng ta cần phải tiếp tục đổi mới mạnh hơn nữa tư duy kinh tế cho phù hợp với điều kiện của đất nước, xu hướng phát triển của thế giới và của thời đại. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI Đảng ta khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới kinh tế trong tình hình mới với các quan điểm sau:

Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị có vị trí đặc biệt

quan trọng trong đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng ta.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối lưu thông... Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy, chúng ta mới có thể vượt qua khó khăn... Đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực của Đảng và Nhà nước là việc cấp bách, đồng thời là việc thường xuyên, lâu dài.

Tổng kết chặng đường đổi mới qua 10 năm, Đại hội VIII đã rút ra một trong những bài học chủ yếu là: Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác.

Đại hội X đã nhận định: Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ, trong đó có mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Đã rút ra một trong những bài học lớn về yêu cầu đổi mới toàn diện là: Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tại Đại hội XI, tổng kết 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, đã xác định một trong những nguyên nhân chủ quan của hạn chế, yếu kém là: Tư duy phát triển kinh tế - xã hội và phương thức lãnh đạo của Đảng chậm đổi mới, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển đất nước. Trong tổng kết thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, đổi mới với những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân chủ quan được coi là trực tiếp và quyết định nhất, trong đó nguyên nhân được đề cập đến đầu tiên là: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; nhận thức trên nhiều vấn đề cụ thể của công cuộc đổi mới còn hạn chế, thiếu thống nhất.

Thực tế đó đòi hỏi, trong những năm tới, không thể chỉ đổi mới hệ thống chính trị, mà phải tiếp tục đổi mới tư duy chính trị. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị là một trong tám mối quan hệ lớn phải đặc biệt chú trọng, nắm vững và giải quyết tốt trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm tới, Đảng ta đã xác định yêu cầu và nội dung đổi mới chính trị: Đổi mới đồng bộ và phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh... Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương để thúc đẩy đổi mới toàn diện và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Lấy việc thực hiện mục tiêu này làm tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá hiệu quả của quá trình đổi mới và phát triển.

Về mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và từng bước xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp

Đây là một mối quan hệ lớn được Đảng ta đặc biệt quan tâm và liên tục có nhiều đổi mới rất quan trọng, có tính đột phá, nhất là từ Đại hội VI đến nay. Bước vào thời kỳ đổi mới, chúng ta ngày càng khẳng định rõ: Phải từng bước xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Đại hội VIII xác định: Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đại hội IX xác định rõ thêm: Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại

gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối.

Nhưng căn cứ vào đâu để đánh giá được trong thực tiễn sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng ta đã không ngừng tìm tòi, và từ thực tiễn đổi mới của đất nước, Đại hội VIII khẳng định: Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Đại hội IX khẳng định rõ thêm: Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội. Qua tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội X đã kế thừa và phát triển tinh thần của Đại hội VIII và IX, xác định đầy đủ hơn về đặc trưng kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: 'Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất'(1). (Cương lĩnh năm 1991 xác định là:... dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu).

Qua tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Đại hội XI đã thảo luận và biểu quyết với đa số phiếu tán thành nội dung đặc trưng kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: 'có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp'(2). Sự phù hợp ở đây bao gồm cả phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hiện đại và phù hợp với bản chất, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Đây là một bước bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991 và các nghị quyết của Đảng từ sau đổi mới về vấn đề này.

Từ những thành tựu của quá trình đổi mới, Đại hội XI đã tiếp tục xác định rõ thêm những chủ trương, chính sách lớn của Đảng về xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất trong những năm tới. Những quan điểm, chính sách quan trọng

tiếp tục được khẳng định là:

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh... Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển. Trong các hình thức sở hữu hỗn hợp đó, chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần, cần khuyến khích phát triển để các hình thức tổ chức kinh doanh này trở thành phổ biến trong nền kinh tế, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu.

Phải tăng cường tiềm lực và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô..., phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Khuyến khích kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển theo quy hoạch.

- Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế, phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực, những khiếm khuyết của cơ chế thị trường. Đồng thời phải tôn trọng và phát huy đầy đủ vai trò của các chủ thể kinh doanh.

Về yêu cầu phát triển bền vững nền kinh tế nước ta

Cả trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Báo cáo Chính trị của BCH T.Ư khóa X được Đại hội XI thông qua đều rút ra bài học về mục tiêu phải bảo đảm phát triển bền vững nền kinh tế; đó là: Đặc biệt coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền

kinh tế, đồng thời duy trì tỷ lệ tăng trưởng hợp lý.

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược 10 năm qua đã xác định một trong những yếu kém của chúng ta là: kinh tế phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc...

Những quan điểm và giải pháp lớn Đại hội XI đã xác định để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững nền kinh tế là:

- Nội hàm phát triển bền vững nền kinh tế ở nước ta là: Coi chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh là yêu cầu ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quan hệ giữa phát triển nhanh và bền vững của nước ta là: Nước ta có điều kiện phát triển nhanh và yêu cầu phát triển nhanh cũng đang được đặt ra hết sức cấp thiết. Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững.

Phát triển nhanh và bền vững phải luôn gắn chặt với nhau trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- Điều kiện để phát triển bền vững là: Phải đặc biệt coi trọng giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững.

- Những giải pháp lớn để phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế nước ta là:

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Phải có những giải pháp đồng bộ để phát triển kinh tế tri thức. Hết sức coi trọng vai trò của khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của mọi công dân.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng và thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô, vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế, phát triển kinh tế tri thức. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh.

Phải chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững, tăng cường độc lập, tự chủ trong phát triển kinh tế.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế đồng thời chú trọng phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách.

Về giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta

Từ các Đại hội VIII, IX, X, Đảng ta đã không ngừng hoàn thiện nhận thức và chỉ đạo thực tiễn về vấn đề quan trọng này.

Qua tổng kết 25 năm đổi mới, Đại hội XI đã tiếp tục xác định rõ thêm những vấn đề cần quan tâm để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở nước ta thời gian tới là:

- Về mục đích, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ chế thị trường phải được vận dụng đầy đủ để phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Về mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế, chủ thể kinh tế, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cần phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội; mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh

và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Về mối quan hệ giữa hội nhập quốc tế và độc lập, tự chủ, phải chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

- Về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội, phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Công bằng trong phân phối các yếu tố sản xuất, tiếp cận các cơ hội kinh doanh và phân phối kết quả làm ra.

- Phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý nền kinh tế của Nhà nước, chú trọng phát huy mặt tích cực, khắc phục mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế.

Tuy nhiên, đó mới chỉ là những thành tựu bước đầu, để đạt được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy lý luận về kinh tế của Đảng đang là đòi hỏi khách quan với các yếu tố cơ bản sau:

Một là, sự phát triển của nền kinh tế tri thức. Đặc trưng của nền kinh tế tri thức là sử dụng có hiệu quả tri thức và những sáng tạo mới của con người để đẩy nhanh tốc độ đổi mới sản phẩm và công nghệ. Dưới quan điểm về kinh tế phát triển, kinh tế tri thức là kinh tế trong đó sản sinh ra, truyền bá và sử dụng tri thức, là động lực chủ yếu nhất của tăng trưởng, tạo ra của cải, việc làm trong tất cả các ngành kinh tế và là nền kinh tế mở ra khả năng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống. Nền kinh tế tri thức là điều kiện thuận lợi, là phương tiện để các quốc gia tăng tốc phát triển kinh tế. Sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức, một mặt tạo cơ hội cho chúng ta tiếp cận những thành tựu của nhân loại, mặt khác nó buộc chúng ta phải đổi mới tư duy trong ban hành và tổ chức thực hiện chính sách kinh tế.

Hai là, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế là điều kiện hết sức thuận lợi để các quốc gia đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đồng thời cũng tạo nên những thách thức không nhỏ đối với các quốc gia. Toàn cầu hóa tạo điều kiện giao lưu, hợp tác giữa các quốc gia, trên cơ sở đó các

quốc gia có thể tiếp thu những thành tựu của văn minh nhân loại để phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Nó là quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp để tồn tại, đặc biệt là đấu tranh giữa các nước đang phát triển để bảo vệ lợi ích của mình, trong đó có Việt Nam. Toàn cầu hóa tạo điều kiện thuận lợi cho các quốc gia thực hiện công cuộc cải cách của mình, đồng thời cũng là yêu cầu, sức ép đối với các quốc gia trong việc đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế, đặc biệt là các chính sách và phương thức quản lý vĩ mô. Toàn cầu hóa tạo dựng các nhân tố mới và điều kiện mới cho sự phát triển của từng quốc gia và cộng đồng quốc tế trên cơ sở trình độ phát triển ngày càng cao của lực lượng sản xuất, là điều kiện để khơi thông các nguồn lực trong và ngoài nước, mở rộng thị trường, chuyển giao công nghệ và các kinh nghiệm quản lý. Tuy nhiên toàn cầu hóa cũng tạo ra nhiều thách thức không nhỏ đối với các quốc gia, nhất là những quốc gia đang phát triển. Do vậy, để khỏi bị gạt ra ngoài lề phát triển của thế giới và hội nhập kinh tế quốc tế thành công thì chúng ta phải tiếp tục đổi mới trong nhận thức, trong tư duy về kinh tế.

Ba là, năng lực cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm còn yếu. Một trong những thách thức lớn nhất đối với Việt Nam hiện nay trong hội nhập kinh tế quốc tế là sức cạnh tranh của các doanh nghiệp, sản phẩm và quốc gia còn yếu, sức cạnh tranh chủ yếu dựa vào lợi thế lao động rẻ và tài nguyên. Theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) thì Việt Nam vẫn nằm trong số 60 nước có môi trường kinh doanh khó khăn nhất; đánh giá của WEF, Ngân hàng thế giới và Công ty tài chính quốc tế về năng lực cạnh tranh toàn cầu thì năm 2006, 2007 Việt Nam xếp hạng 77/125 quốc gia, tụt 3 bậc so với năm 2005. Nguyên nhân của tình trạng này là do chúng ta chậm đổi mới về tư duy kinh tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Sự đổi mới không theo kịp với xu hướng phát triển của thời đại đã làm kìm hãm phát triển của doanh nghiệp và quốc gia. Thời gian qua, chúng ta chỉ tập trung vào các nhân tố bên trong, dựa vào nội lực là chính, chưa thật sự đánh giá đúng vai trò, cũng như sức ép từ các nhân tố bên ngoài trong phát triển kinh tế. Doanh nghiệp chưa thật

sự quan tâm đến hội nhập, chưa thật sự chủ động thay đổi tư duy, cách thức tổ chức cho phù hợp với điều kiện mới của môi trường cạnh tranh quốc tế. Trong hơn 25 năm đổi mới, mặc dù chúng ta đã đạt được những thành tựu kinh tế hết sức ấn tượng, song khách quan mà nói nền kinh tế nước ta vẫn đang trong tình trạng lạc hậu, đổi mới tư duy về kinh tế chưa theo kịp với sự biến đổi nhanh chóng của thời đại, nhất là những thay đổi của nhân loại mang tính đột phá như công nghệ thông tin, kinh tế tri thức, công nghệ sinh học, mô hình phát triển kinh tế. Việt Nam cũng đã có những thứ hạng đáng kể về xuất khẩu một số mặt hàng và thu hút đầu tư, song nếu phân tích, đánh giá một cách khách quan thì chưa thật sự tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của đất nước. Vì vậy, chúng ta cần phải tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế để tiếp tục cải thiện vị thế của mình trong cộng đồng kinh tế quốc tế.

Bốn là, những bất cập của thực tiễn cuộc sống. Sự phát triển kinh tế trong thời gian qua, đặc biệt là sự tăng lên mạnh mẽ số lượng các doanh nghiệp và huy động vốn đầu tư đang gặp những rào cản. Đó là tình trạng ban hành chính sách kinh tế chưa phù hợp với thực tế, còn có những bất cập trong việc ban hành và thực thi chính sách, nhất là chính sách đất đai và tín dụng. Môi trường kinh doanh chưa thật sự thuận lợi. Hiện nay, tiềm lực nội tại của nền kinh tế nước ta vẫn còn rất lớn, nguồn vốn trong dân còn nhiều nhưng chưa được sử dụng vào đầu tư phát triển kinh tế. Trong một số khu vực kinh tế đã có dấu hiệu chững lại. Sự phát triển kinh tế đang kéo theo nhiều vấn đề cần phải giải quyết như khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, tài nguyên và môi trường bị ảnh hưởng nặng nề, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế còn thấp, chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa cao.

3. Những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong báo cáo Chính trị tại Đại hội XI chỉ rõ:

Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường

Đại hội IX và X đã chỉ ra những nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở nước ta. Đại hội XI đã tiếp tục xác định, làm

rõ hơn nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở nước ta như sau:

(1) Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội.

(2) Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ chế thị trường phải được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ và có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, tăng cường đồng thuận xã hội để thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

(3) Phát huy quyền tự do kinh doanh theo pháp luật của mọi công dân để làm giàu cho bản thân và đóng góp cho xã hội. Mọi thành phần kinh tế, các chủ thể tham gia thị trường đều được coi trọng, cùng phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh và văn minh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo (điểm mới so với Đại hội X là không xác định kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Bởi vì, trong 5 năm tới kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể chưa thể vươn lên đóng vai trò nền tảng được).

(4) Phát triển kinh tế thị trường, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững, tăng cường tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách. Công bằng trong phân phối các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội, điều kiện phát triển. Phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

(5) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bằng

luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo lập, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, định hướng phát triển, phát huy mặt tích cực, hạn chế, khắc phục mặt trái, tiêu cực của cơ chế thị trường; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế.

Phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

- Tiếp tục thể chế hoá quan điểm của Đảng về phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tài sản thuộc các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế; xây dựng, hoàn thiện luật pháp về sở hữu đối với các loại tài sản mới như sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, trái phiếu, tài nguyên nước..., quy định rõ quyền, trách nhiệm của các chủ sở hữu đối với xã hội.

- Đổi mới, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về sở hữu đối với đất đai, tài nguyên, vốn và các loại tài sản công khác để tài nguyên, vốn và các tài sản công được quản lý, sử dụng có hiệu quả, khắc phục tình trạng thất thoát, lãng phí.

- Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Khẩn trương cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty nhà nước, tập trung vào một số ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tổng kết tình hình phát triển các hợp tác xã và thực hiện *Luật Hợp tác xã*. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế (đây là điểm mới so với Đại hội X). Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập

đoàn kinh tế nhà nước. Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những ngành, lĩnh vực kinh tế phù hợp với chiến lược và quy hoạch phát triển của đất nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao.

- Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với hình thức sở hữu hỗn hợp như công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên, công ty hợp danh, hợp tác xã cổ phần.

(So với Đại hội X, Đại hội XI xác định nền kinh tế nước ta hiện nay có 4 thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)

Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

- Sớm hoàn thành việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về kinh doanh phù hợp với điều kiện Việt Nam, bảo vệ thị trường nội địa, đồng thời tuân thủ những quy định của các tổ chức quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia.

- Phát triển đa dạng, đồng bộ, ngày càng văn minh, hiện đại các loại thị trường hàng hoá, dịch vụ. Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời chú trọng mở rộng và chiếm lĩnh thị trường trong nước, bảo vệ lợi ích của cả người sản xuất và người tiêu dùng, nhất là về giá cả, chất lượng hàng hoá, vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về tiền tệ, tín dụng và ngoại hối: Từng bước mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong nước và cam kết quốc tế.

- Khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách đất đai, bảo đảm hài hoà các lợi ích của Nhà nước, của người giao lại quyền sử dụng đất và của nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi để sử dụng đất đai có hiệu quả; khắc phục tình trạng sử dụng lãng phí và tham nhũng đất đai.

(Sở hữu đất đai là vấn đề lớn, khó phức tạp. Sau Đại hội XI, Quốc hội khoá XIII sẽ tiến hành sửa đổi Luật Đất đai. Báo cáo chính trị chỉ nêu định hướng chung như trên, còn cụ thể sẽ được đề cập trong Luật Đất đai (sửa đổi)).

- Phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ gắn với việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; có nhiều hình thức thông tin giới thiệu các hoạt

động và sản phẩm khoa học, công nghệ; hoàn thiện các định chế về mua bán các sản phẩm khoa học, công nghệ trên thị trường.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động. Tiền lương, tiền công phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao năng lực lãnh đạo kinh tế của các tổ chức đảng; tăng cường, sử dụng hợp lý các tổ chức, cán bộ nghiên cứu để tham mưu cho Đảng trong việc xây dựng, lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội.

- Đổi mới, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới trên cơ sở tôn trọng và vận dụng đầy đủ, đúng đắn các quy luật và cơ chế vận hành của kinh tế thị trường. Phân định rõ hơn chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước và chức năng của các tổ chức kinh doanh vốn và tài sản nhà nước.

- Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS, TSKH Nguyễn Văn Đăng một số vấn đề mới và nội dung quan trọng về phát triển kinh tế trong các Văn kiện Đại hội XI;
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, trang 68;
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 70;
4. PGS, TS LÊ QUỐC LÝ, Phó giám đốc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Đổi mới tư duy lý luận về kinh tế của đảng trong thời kỳ hội nhập;
5. Nội dung chủ yếu của Chiến lược phát triển KT - XH 2011-2020 và nhiệm vụ trọng tâm của năm 2011, (Dân trí);
6. (1) Tạp chí cộng sản số 820 tháng 2-2011;
7. GS - TSKH Nguyễn Mai, Tái cấu trúc nền kinh tế: Chủ trương đúng cần hành động nhanh